

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 8 năm 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên; Ông Đèo Văn Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 85/2021/TLST - HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị N, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu, có mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn M, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu, có đơn xin xét xử mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lò Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2004, chị Lò Thị N và anh Lò Văn M được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và về chung sống với nhau như vợ chồng. Từ đó đến nay, chị N, anh M chưa đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M nghiện chất ma túy, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị N và gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Hiện nay, chị N không còn tình cảm với anh M nữa nên chị N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị N và anh M có 02 con chung là cháu Lò Thị H, sinh ngày 13/9/2004 và cháu Lò Thị Ngọc L, sinh ngày 09/11/2011. Hiện nay, chị N có đủ khả năng để nuôi dạy các con và có nguyện vọng được trực tiếp được nuôi cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N và anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị N và anh M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lò Văn M trình bày: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và về con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như lời khai của chị N. Quan điểm của anh M hiện nay là muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng nếu chị N kiên quyết muốn ly hôn thì anh M cũng nhất trí. Anh M hiện nay đang phải đi chấp hành án phạt tù, không có khả năng nuôi con nên anh M nhất trí để chị N nuôi các con sau khi ly hôn và không có yêu cầu gì thêm. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lò Văn M không có yêu cầu phản tố.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Về con chung, các đương sự đã thỏa thuận thống nhất, sau khi ly hôn sẽ giao các con cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Qua lời khai của cháu H, cháu L thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; của người tham gia tố tụng: Thẩm phán tiến hành thủ tục thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 15, 51, 57, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của liên ngành Tòa án nhân dân - Viện kiểm sát nhân dân - Bộ Tư pháp; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị N, xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị N

và anh Lò Văn M. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cháu Lò Thị H và cháu Lò Thị Ngọc L cho chị Lò Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị N phải tạo điều kiện cho anh M trong việc thăm nom con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Lò Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lò Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị N và anh Lò Văn M. Chị N và anh M có cùng địa chỉ nơi cư trú tại bản Hợp I, xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Lò Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay. Chị N và anh M có được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Chị N và anh M sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do anh M nghiện chất ma túy, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Hiện nay, chị N không còn tình cảm với anh M và không muốn tiếp tục chung sống với anh M như vợ chồng nữa. Giữa chị N và anh M không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, không muốn cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích về thủ tục đăng ký kết hôn và tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, không công nhận chị N và anh M là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131, Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của liên ngành Tòa án nhân dân - Viện kiểm sát nhân dân - Bộ Tư pháp.

Về con chung: Chị N và anh M có 02 con chung là cháu Lò Thị H, sinh ngày 13/9/2004 và cháu Lò Thị Ngọc L, sinh ngày 09/11/2011. Xét các điều kiện về sức khỏe, kinh tế, phẩm chất đạo đức, lối sống, hiện nay, chị N có khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị N cũng có nguyện vọng

được nuôi các con. Hiện tại, anh M đang phải đi chấp hành án phạt tù, không có khả năng nuôi các con. Qua lời khai của cháu H, cháu L thì các cháu có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh M đã thỏa thuận thống nhất giao cháu H, cháu L cho chị N trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung thỏa thuận này của các đương sự không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội và để đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu H, cháu L cho chị N trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh M tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn là anh Lò Văn M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131, các Điều 9, 14, 15, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của liên ngành Tòa án nhân dân - Viện kiểm sát nhân dân - Bộ Tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lò Thị N.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị N và anh Lò Văn M.

- **Về con chung:** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung như sau: Giao cháu cháu Lò Thị H, sinh ngày 13/9/2004 và cháu Lò Thị Ngọc L, sinh ngày 09/11/2011 cho chị Lò Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi

cháu H, cháu L đủ 18 tuổi. Anh M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Chị Lò Thị N không yêu cầu anh Lò Văn M cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Lò Thị N và anh Lò Văn M tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Lò Thị N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B (để biết);
- Dương sự;
- Lưu: HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh